

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU ĐÃ ĐƯỢC TÍCH HỢP, CUNG CẤP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Tổng cộng: 113 TTHC (Cấp tỉnh: 90 TTHC; Cấp huyện: 21 TTHC; Cấp xã: 02 TTHC)

1. Cấp tỉnh: 90 TTHC (lĩnh vực môi trường: 07 TTHC; lĩnh vực tài nguyên nước: 12 TTHC; lĩnh vực khí tượng, thủy văn: 02 TTHC; lĩnh vực địa chất và khoáng sản: 16 TTHC; lĩnh vực biển và hải đảo 10 TTHC; lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý 02 TTHC; lĩnh vực Đất đai 36 TTHC; lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm 05 TTHC).

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	1.008682.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế Quy định tại Điều 42 Luật Đa dạng sinh học
2	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (Cấp tỉnh)	1.010735.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế Quy định tại Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐCP

3	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	1.010727.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế Quy định tại Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐCP
4	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	1.010728.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế Quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐCP
5	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	1.010729.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế Quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐCP
6	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	1.010730.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế Quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐCP.
7	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh)	1.010733.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân

				thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế Quy định tại Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường
8	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004122.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hiện trường tại cơ sở, (theo Khoản 4, Điều 13, Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014)
9	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1.004232.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hiện trường tại cơ sở, tổ chức thẩm định đề án, báo cáo (theo Khoản 2, Điều 35, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1.004228.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hiện trường tại cơ sở, tổ chức thẩm định đề án, báo cáo (theo Khoản 2, Điều 36, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)
11	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1.004223.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hiện

				trường tại cơ sở, tổ chức thẩm định đề án, báo cáo (theo Khoản 2, Điều 35, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)
12	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm	1.004211.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hiện trường tại cơ sở, tổ chức thẩm định đề án, báo cáo (theo Khoản 2, Điều 36, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)
13	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	1.004179.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hiện trường tại cơ sở, tổ chức thẩm định đề án, báo cáo (theo Khoản 2, Điều 35, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)
14	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi	1.004167.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài

	trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm			nguyên và Môi trường kiểm tra hiện trường tại cơ sở, tổ chức thẩm định đề án, báo cáo (theo Khoản 2, Điều 36, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)
15	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (TTHC cấp tỉnh)	2.001850.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định cùng với các sở ban ngành liên quan, cơ sở (theo Khoản 3, Điều 12, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015)
16	Đăng ký khai thác nước dưới đất (cấp tỉnh)	1.011517.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xác minh thông tin (theo Khoản 3, Điều 38, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)
17	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	1.011516.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài

				nguyên và Môi trường kiểm tra xác minh thông tin (theo Khoản 3, Điều 38, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)
18	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên	1.001740.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức họp với các sở ban ngành liên quan lấy ý kiến/đối thoại trực tiếp với cơ sở (theo Khoản 7, Điều 2, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)
19	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành cấp tỉnh	1.009669.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ có tham gia của cơ sở (theo Khoản 2, Điều 11, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021)
20	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	1.000987.000.00 .00.H06	Khí tượng, thủy văn	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, thẩm tra, khảo sát tại cơ sở (theo Khoản 2, Điều 17, Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số Nghị định 48/2020/NĐ-CP 15/4/2020)

21	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	1.000970.000.00 .00.H06	Khí tượng, thủy văn	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, thẩm tra, khảo sát tại cơ sở (theo Khoản 2, Điều 17, Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số Nghị định 48/2020/NĐ-CP 15/4/2020)
22	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001814.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
23	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001781.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
24	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)	1.004446.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
25	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001783.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng

				sản.
26	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004343.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
27	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.000778.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa, họp Hội đồng thẩm định theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
28	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.004481.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
29	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004135.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
30	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001777.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

31	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	1.005408.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
32	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004434.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa, hợp đấu giá theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
33	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (cấp tỉnh)	1.004433.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa, hợp đấu giá theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
34	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004345.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
35	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001787.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa, họp Hội đồng thẩm định theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

36	Đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004367.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa, họp Hội đồng thẩm định theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
37	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	1.004132.000.00 .00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
38	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	1.009481.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
39	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	1.005401.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
40	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	1.004935.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021

41	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	1.005400.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
42	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	1.005399.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
43	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	1.005189.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
44	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	2.000472.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
45	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	1.000969.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
46	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	1.000942.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
47	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	2.000444.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh

				thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
48	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	1.000049.000.00 .00.H06	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Do chứng chỉ cần phải có phôi giấy được cấp bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Nghị định 27/2019/NĐ-CP nên không thực hiện trình ký qua môi trường mạng.
49	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1.010200.000.00 .00.H06	Đất đai	Quy định về việc sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh tại khoản 1 Điều 73 Luật Đất đai năm 2013. Quy định về điều kiện Tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại khoản 1, khoản 2 Điều 193 Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp đất rừng, đất đồi núi đất, đất gần biển, đất gần sông do các Cơ quan, đơn vị có liên quan có ý kiến theo quy định thì phải tiến hành đi thực địa kiểm tra đủ điều kiện chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

50	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với dự án đầu tư đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện thủ tục thẩm định này. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ thẩm định trong thời gian thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời, chủ đầu tư được tiến hành khảo sát, đo đạc để lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Thời điểm thẩm định nhu cầu sử dụng đất xin giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư: khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng	1.003010.000.00 .00.H06	Đất đai	Theo điều 7 của Thông tư 30/2014/TTBTNMT ngày 02/6/2014 Quy định Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các Điều 3, 4 và 6 của Thông tư này được lập trên cơ sở hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và ý kiến tại cuộc họp thẩm định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc kết quả kiểm tra thực địa.
----	--	----------------------------	---------	---

	lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất.)			
51	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng.)	1.002253.000.00 .00.H06	Đất đai	Trình tự thực hiện của thủ tục quy định Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được giao đất, cho thuê đất.
52	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin	1.002040.000.00 .00.H06	Đất đai	Trình tự thực hiện của thủ tục quy định Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được giao đất, cho thuê đất.

	giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng)			
53	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.004257.000.00 .00.H06	Đất đai	Theo Điều 69 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất; hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính
54	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (TTHC cấp tỉnh)	1.001007.000.00 .00.H06	Đất đai	Trường hợp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng

				đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP 17 theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải nộp bản chính
55	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TTHC cấp tỉnh)	1.001039.000.00 .00.H06	Đất đai	Trường hợp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải nộp bản chính
56	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TTHC cấp tỉnh)	1.000964.000.00 .00.H06	Đất đai	Trường hợp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số

				43/2014/NĐ-CP theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải nộp bản chính
57	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	2.000962.000.00 .00.H06	Đất đai	Tổ chức họp để thẩm định phương án sử dụng đất.
58	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1.004688.000.00 .00.H06	Đất đai	Việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 liên quan đến tính thống nhất về cơ sở pháp lý của các sở, ban, ngành có liên quan. Trong quá trình thực hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường cần tổ chức họp lập biên bản thống nhất nội dung điều chỉnh vì liên quan đến công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
59	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	1.005398.000.00 .00.H06	Đất đai	- Tiến hành xác minh thực địa để xác định diện tích, vị trí đất đăng ký quyền sử dụng đất Theo khoản 1 Điều 8 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT
60	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	2.001938.000.00 .00.H06	Đất đai	- Tiến hành xác minh thực địa để xác định diện tích, vị trí đất đăng ký quyền sử dụng đất Theo khoản 1 Điều 8 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT

61	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.004238.000.00 .00.H06	Đất đai	- Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
62	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.004227.000.00 .00.H06	Đất đai	- Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP
63	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	1.004221.000.00 .00.H06	Đất đai	- Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP

64	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	1.004203.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014. - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
65	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.004199.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014. - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
66	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.004193.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới

				GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014. - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
67	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.004177.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
68	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (đối với nơi đã thành lập văn phòng đăng ký đất đai)	1.011616.000.00 .00.H06	Đất đai	- Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014. - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.

69	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	2.000983.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
70	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	1.002255.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014. - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
71	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	2.000976.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.

72	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (Đối với tỉnh đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.002273.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
73	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (đã thành lập)	1.002993.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
74	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	2.000889.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.

75	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.001991.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
76	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	2.000880.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
77	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.001134.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số

				23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
78	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.005194.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
79	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.001045.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
80	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất (đã có Văn phòng đăng ký đất đai - cấp tỉnh)	1.001009.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.

81	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	1.001990.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
82	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	1.004206.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
83	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	1.004217.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
84	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đón điền đổi thửa” (đồng loạt) (đã thành lập)	1.011982.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.

				- Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
85	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	2.001761.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
86	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011441.000.00 .00.H06	Đăng ký biện pháp bảo đảm	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.
87	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011442.000.00 .00.H06	Đăng ký biện pháp bảo đảm	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.
88	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011443.000.00 .00.H06	Đăng ký biện pháp bảo đảm	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.
89	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011444.000.00 .00.H06	Đăng ký biện pháp bảo đảm	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.

90	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	1.011445.000.00 .00.H06	Đăng ký biện pháp bảo đảm	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.
----	---	----------------------------	---------------------------	--

2. Cấp huyện: 21 TTHC (lĩnh vực môi trường: 04 TTHC; lĩnh vực tài nguyên nước: 02 TTHC; lĩnh vực biển và hải đảo: 05 TTHC; lĩnh vực đất đai 10 TTHC).

TT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Cấp giấy phép môi trường (cấp huyện)	1.010723.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế Quy định tại Điều 29 Nghị định số 08/2022/Nghị định số 08/2022/NĐ-CP-CP
2	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp huyện)	1.010724.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế Quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/Nghị định số 08/2022/NĐ-CP-CP
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp huyện)	1.010725.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo

				sát thực tế Quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/Nghị định số 08/2022/NĐ-CP-CP
4	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp huyện)	1.010726.000.00 .00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế Quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/Nghị định số 08/2022/NĐ-CP-CP
5	Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp huyện)	1.001662.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xác minh thông tin (theo Khoản 2, Điều 38, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)
6	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có	1.001645.000.00 .00.H06	Tài nguyên nước	Theo quy định trình tự thực hiện giải quyết hồ sơ của thủ tục này, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức họp với các sở ban ngành liên quan lấy ý kiến/đối thoại trực tiếp với cơ sở (theo Khoản 7, Điều 2, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023)

	khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m ³ /ngày đêm trở lên			
7	Công nhận khu vực biển cấp huyện	1.009482.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
8	Giao khu vực biển cấp huyện	1.009483.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
9	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện	1.009484.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
10	Trả lại khu vực biển cấp huyện	1.009485.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
11	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển cấp huyện	1.009486.000.00 .00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
12	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu	2.001234.000.00 .00.H06	Đất đai	Theo điều 7 của Thông tư 30/2014/TTBTNMT ngày 02/6/2014 Quy định Văn bản thẩm định nhu cầu sử

	giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư			dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các Điều 3, 4 và 6 của Thông tư này được lập trên cơ sở hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và ý kiến tại cuộc họp thẩm định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc kết quả kiểm tra thực địa.
13	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	2.000381.000.00.00.H06	Đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được giao đất, cho thuê đất.
14	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	1.000798.000.00.00.H06	Đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.
15	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (TTHC cấp huyện)	1.005187.000.00.00.H06	Đất đai	Trường hợp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014

				Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải nộp bản chính
16	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (TTHC cấp huyện)	1.005367.000.00 .00.H06	Đất đai	Trường hợp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải nộp bản chính
17	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cấp huyện	1.002335.000.00 .00.H06	Đất đai	- Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP
18	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1.002314.000.00 .00.H06	Đất đai	- Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số

	cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (cấp huyện)			23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP
19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất cấp huyện	1.002291.000.00 .00.H06	Đất đai	- Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP
20	Thủ tục chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp	1.002978.000.00 .00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ. - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
21	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người	1.002969.000.00 .H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý thu hồi GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.

	sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện			
--	--	--	--	--

3. Cấp xã: 02 TTHC (lĩnh vực môi trường: 02 TTHC).

TT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	1.010736.000.00 .00.H06	Môi trường	Một phần – Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tổ chức họp lấy ý kiến Quy định tại Điều 26 Nghị định số 08/2022/Nghị định số 08/2022/NĐ-CP-CP
2	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (cấp xã)	1.004082.000.00 .00.H06	Môi trường	Một phần – Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước Quy định tại Điều 11 Nghị định số 59/2017/Nghị định số 08/2022/NĐ-CP-CP